

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 1 Quyết định số 1183/QĐ-UBND ngày 21/4/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc nâng mức đóng góp của gia đình có người tâm thần đang được nuôi dưỡng tại Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội; Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 02/2018/TT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh Xã hội quy định mức kinh tế- kỹ thuật làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ trợ giúp xã hội; Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 293/TTr-SLĐTBXH ngày 10 tháng 12 năm 2021 (kèm theo ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 1225/STP-VB&XLVPHC ngày 06 tháng 12 năm 2021, của Sở Tài chính tại Công văn số 3659/STC-TCHCSN ngày 25 tháng 11 năm 2021, của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2287/SKHĐT-KGVX ngày 02 tháng 12 năm 2021 và của Sở Y tế tại Công văn số 4835/SYT-KHTC ngày 01 tháng 12 năm 2021).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 1 Quyết định số 1183/QĐ-UBND ngày 21/4/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc nâng mức đóng góp của gia

đình có người tâm thần đang được nuôi dưỡng tại Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn, cụ thể như sau:

“4. Chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc một người bệnh tâm thần theo chế độ xã hội hóa, với mức là 3.497.050 đồng/người/tháng (Chi tiết các khoản chi theo Phụ lục đính kèm), trong đó:

a) Mức tự đóng góp các khoản chi phí của người thân, người nhận bảo trợ đối tượng tâm thần là 2.710.000 đồng/người/tháng;

b) Nhà nước trợ cấp xã hội hàng tháng với mức bằng 02 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội (2×360.000 đồng/người/tháng = 720.000 đồng/người/tháng) và hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế theo quy định hiện hành (67.050 đồng/người/tháng). Mức trợ cấp xã hội hàng tháng và mức hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế được thay đổi theo quy định của Chính phủ.

c. Các khoản chi phí đóng góp là nguồn thu sự nghiệp của đơn vị, do đó đơn vị tổ chức thu phải hoạch toán kế toán và thực hiện báo cáo quyết toán thu, chi theo chế độ tài chính, kế toán hiện hành.”

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1183/QĐ-UBND ngày 21/4/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tư pháp, Tài chính, Y tế, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Lâm Hải Giang;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K20.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh)

ĐVT: Đồng/người/tháng

Số TT	Nội dung	Mức thu/mức hỗ trợ	Ghi chú
I	Mức đóng góp các khoản chi phí của người thân, người nhận bảo trợ	2.710.000	
1	Tiền ăn đối tượng	1.440.000	
2	Tiền Lễ, Tết	82.500	
4	Tư trang vật dụng	197.000	
5	Tư trang vật dụng (dành cho đối tượng nữ trong độ tuổi sinh đẻ)	45.000	Áp dụng cho đối tượng nữ trong độ tuổi sinh đẻ
6	Tiền thuốc thông thường	100.000	
7	Tiền thuốc chuyên khoa	66.500	
8	Chi sửa chữa thường xuyên, điện, nước, xăng xe, chi khác....	134.000	
9	Chi phí tiền công lao động phục vụ (theo định mức kinh phí nhà nước và tỉ lệ 01 nhân viên phục vụ 10 đối tượng)	645.000	
II	Nhà nước trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định	787.050	
1	Trợ cấp hàng tháng	720.000	
2	Mua thẻ bảo hiểm y tế	67.050	
Tổng cộng (I+II)		3.497.050	